Ngày soạn: 20 / 2 /2025

Ngày dạy: 8 / 3 /2025

## ÔN TẬP GIỮA HKII

***Thời gian thực hiện: 1 tiết (tiết 32)***

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:** Sau bài học, Hs sẽ:

- Hệ thống lại các nội dung kiến thức đã được học về:

+ Hệ thần kinh và các giác quan ở người.

+ Hệ nội tiết ở người.

+ Da và điều hòa thân nhiệt ở người.

+ Sinh sản ở người.

+ Môi trường và các nhân tố sinh thái.

+ Quần thể sinh vật; quần xã sinh vật.

- Trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm.

- Trả lời một số câu hỏi tự luận (Làm một số bài tập).

**2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung:**

*- Tự chủ và tự học:* HS tự nghiên cứu thông tin SGK và hệ thống lại các nội dung kiến thức đã học.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Thảo luận nhóm một cách có hiệu quả khi thực hiện các nhiệm vụ học tập

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập và thực hành.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên :**

- *Nhận thức khoa học tự nhiên:* Cá nhân hệ thống lại được các kiến thức đã học.

- *Tìm hiểu tự nhiên:*Phát triển thêm nhận thức của bản thân thông qua việc trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* Vận dụng được hiểu biết của bản thân để làm các bài tập tự luận.

**3. Phẩm chất:** Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu để hệ thống hóa các nội dung kiến thức đã học, vận dụng được kiến thức vào làm bài tập.

- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ.

- Trung thực trong báo cáo, thảo luận hoạt động nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- KHBD, GAĐT, SGK, Tivi, máy tính.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Vở ghi, sgk, dụng cụ học tập.

- Ôn tập lại các nội dung kiến thức đã học từ bài 37 đến bài 43

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** Gv trình bày vấn đề, Hs thực hiện yêu cầu của Gv

**c. Sản phẩm học tập:** Hs lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv: Trong chương VII, VIII chúng ta đã học được những nội dung kiến thức nào?

Hs: Nêu những nội dung đã được học trong chương VII, VIII.

Gv: Nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới.**

**Hoạt động 2.1: Hệ thống lại các kiến thức cần nhớ.**

**a. Mục tiêu:** Hs hệ thống lại được những kiến thức cần nhớ.

**b. Nội dung:** Học sinh cá nhân nghiên cứu thông tin SGK tìm câu trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Gv chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Gv: Chiếu một số câu hỏi cho HS hệ thống kiến thức:  **1.** Cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh? Một số bệnh và chất gây nghiện đối với hệ thần kinh?  **2,** Cấu tạo và chức năng của cơ quan thị giác? Cấu tạo của mắt và một số bệnh, tật về mắt?  **3,** Cấu tạo và chức năng của cơ quan thính giác? Cấu tạo của tai và một số bệnh về thính giác?    4, Các tuyến nội tiết ở người? Chức năng của tuyến nội tiết? Một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết?  5, Cấu tạo và chức năng của da? Một số bệnh về da? Một số biện pháp bảo vệ da?  6, Điều hòa thân nhiệt ở người? Một số phương pháp chống nóng, chống lạnh, biện pháp chống camrnongs, cảm lạnh?  7, Cấu tạo và chức năng của cơ quan sinh dục nam. Cơ quan sinh dục nữ?  8, Sự thụ tinh, sự thụ thai, hiện tượng kinh nguyệt? Các biện pháp tránh thai?  9, Môi trường sống của sinh vật; các loại môi trường sống của sinh vật?  10, Nhân tố sinh thái là gì? Các nhóm nhân tố sinh thái? Giới hạn sinh thái?  11, Quần thể sinh vật là gì? Các đặc trưng của quần thể sinh vật?  12, Quần xã sinh vật là gì? Các đặc trưng cơ bản của quần xã  **Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Hs thảo luận nhóm hệ thống lại các kiến thức đã học.  + Gv quan sát, hướng dẫn Hs  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Gv gọi đại diện các nhóm báo cáo, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Gv đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **I. Kiến thức cần nhớ:**  **1,**  - Cấu tạo: Có dạng hình ống, gồm 2 bộ phận: bộ phận trung ương có não và tủy sống , bộ phận ngoại biên có các dây thần kinh và hạch thần kinh.  - Chức năng:điều khiển, điều hòa và phối hợp hoạt động của cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể.  - Một số bệnh về hệ thần kinh: Bệnh Parkinson; động kinh; Alzheimer:  - Các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh.  **2,**  - Cơ quan thị giác gồm: mắt,dây thần kinh thị giác, và vùng thị giác ở não.  - Chức năng:thu nhận hình ảnh, màu sắc của sự vật của hiện tượng, giúp não nhận biết và xử lí thông tin.  - Cấu tạo của mắt gồm 2 phần:  + Bên ngoài: mi mắt, lông mi, cầu mắt nằm trong hốc mắt.  + Bên trong cầu mắt có: giác mạc, thủy dịch, đồng tử, mống mắt (lòng đen), thể thủy tinh, dịch thủy tinh, màng cứng, màng mạch, võng mạc (màng lưới), dây thần kinh thị giác.  - Một số bệnh, tật về thị giác:Bệnh đau mắt đỏ; tật cận thị; tật viễn thị; tật loạn thị.  **3,**  - Cơ quan thính giác: tai, dây thần kinh thính giác, vùng thính giác ở não.  - Chức năng: thu nhận âm thanh từ môi trường, truyền lên não xử lí giúp ta nhận biết được âm thanh.  - Cấu tạo của tai gồm 3 phần:  + Tai ngoài: vành tai, ống tai.  + Tai giữa: màng nhĩ và chuỗi xương tai. Từ đây có vòi tai thông với khoang miệng  + Tai trong có ốc tai chứa các cơ quan thụ cảm âm thanh, từ ốc tai có dây thần kinh thính giác đi về não.  - Một số bệnh về thính giác: Bệnh viêm tai giữa; ù tai.  **4,**  - Các tuyến nội tiết ở người gồm: Tuyến yên; tuyến giáp; tuyến tụy; tuyến trên thận; tuyến sinh dục.  - Chức năng: các tuyến nội tiết tiết ra các hormone giúp điều khiển, điều hoà hoạt động của các cơ quan nói riêng và cơ thể nói chung.  **-** Một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết: **Bệnh đái tháo đường**; b**ệnh bướu cổ do thiếu iodine**  **5,**  - Da là lớp vỏ bọc bên ngoài cơ thể, được cấu tạo gồm lớp biểu bì, lớp bì và lớp mỡ dưới da.  - Chức năng :  + Bảo vệ cơ thể, chống lại các yếu tố bất lợi của môi trường như sự va đập, sự xâm nhập của vi khuẩn  + Điều hòa thân nhiệt nhờ hoạt động của tuyến mồ hôi, mạch máu dưới da, chân lông  + Nhận biết các kích của môi trường nhờ thụ quan  + Bài tiết qua tuyến mồ hôi  - Một số bệnh về da: hắc lào, lang ben, mụn trứng cá,  - Các biện pháp chăm sóc, bảo vệ, làm đẹp da an toàn:  + Tránh làm da bị tổn thương  + Vệ sinh cơ thể sạch sẽ  + Tránh để da tiếp xúc ánh nắng gay gắt  + Không lạm dụng mĩ phẩm  + Vệ sinh da sạch sẽ sau khi trang điểm  **6,**  - Thân nhiệt là nhiệt độ của cơ thể.  - Nhiệt độ cao nhất ở gan rồi đến máu và thấp nhất ở da.  - Thân nhiệt người bình thường khoảng 37oC và dao động không quá 0,50C  - Một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể  + Chống nóng: đội mũ, nón khi làm việc ngoài trời; không chơi thể thao dưới ánh nắng trực tiếp; không nên tắm ngay hay ngồi trước quạt, nơi có gió mạnh sau khi vận động mạnh  + Chống lạnh: giữ ấm cơ thể, đặc biêt là vùng ngực, cổ, chân, tay; luyện tập thể dục, thể thao  **-** Một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng  + Chống cảm nóng: Che nắng, uống đủ nước, tránh ánh nắng trực tiếp vào vùng sau gáy, hạn chế ra ngoài trời khi nắng nóng  + Chống cảm lạnh: Vệ sinh mũi, miệng sạch sẽ, súc họng bằng nước muối sinh lí 2 đến 4 lần /ngày, uống nước ấm, giữa ấm cho cơ thể  **7,**  Hệ sinh dục có chức năng duy trì nòi giống thông qua quá trình sinh sản.  - Cơ quan sinh dục nam:  *+ Cấu tạo*: gồm hai tinh hoàn nằm trong bìu, mào tinh, ống dẫn tinh, túi tinh, ống đái, dương vật.  *+ Chức năng:* Sản sinh ra tinh trùng  - Cơ quan sinh dục nữ:  *+ Cấu tạo:* gồm hai buồng trứng, ống dẫn trứng, tử cung và âm đạo.  *+ Chức năng:* Sản sinh ra trứng, bảo vệ và nuôi dưỡng thai nhi cho đến khi sinh ra.  8,  - Sự thụ tinh là quá trình kết hợp giữa trứng và tinh trùng tạo thành hợp tử.  **-** Sự thụ thai xảy ra khi phôi làm tổ được ở tử cung.  **-** Hiện tượng kinh nguyệt ở nữ giới diễn ra theo chu kì khi trứng không được thụ tinh.  **-** Các biện pháp tránh thai thai:  + Nguyên tắc tránh thai là ngăn không cho trứng chín và rụng, tránh không cho tinh trùng gặp trứng, hoặc chống sự làm tổ của trứng đã thụ tinh.  + Một số biện pháp tránh thai thường được sử dụng như: Sử dụng bao cao su, sử dụng thuốc tránh thai hằng ngày, đặt vòng tránh thai,…  **+** Bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên có ý nghĩa giúp sức khỏe về thể chất, tinh thần và hoạt động của cơ quan sinh dục ở tuổi vị thành niên khỏe mạnh, từ đó, đảm bảo tương lai sự nghiệp của trẻ, góp phần nâng cao chất lượng dân số.  **9,**  - Môi trường sống là nơi sống của sinh vật, bao gồm các nhân tố xung quanh sinh vật, có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự tồn tại và phát triển của chúng.  **-** Các loại môi trường sống chủ yếu bao gồm: môi trường trên cạn, môi trường nước, môi trường trong đất và môi trường sinh vật.  **10,**  - Các nhân tố trong môi trường ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của sinh vật được gọi là các nhân tố sinh thái.  - Các nhân tố sinh thái được xếp vào hai nhóm:  + Nhân tố sinh thái vô sinh: là các yếu tố không sống của môi trường.  + Nhân tố sinh thái hữu sinh: là các yếu tố sống của môi trường (bao gồm con người và các sinh vật khác).  - Giới hạn sinh thái là khoảng giá trị của một nhân tố sinh thái mà trong khoảng đó, sinh vật có thể tồn tại và phát triển ổn định theo thời gian  - VD: cá rô phi ở Việt nam có khoảng giới hạn sinh thái về nhiệt độ từ 5,60C đến 420C  **11,**  **-** Quần thể sinh vật là tập hợp các cá thể cùng loài, sinh sống trong một khoảng không gian xác định, ở một thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản để tạo thành những thế hệ mới.  - Các đặc trưng cơ bản của quần thể.  **+** Kích thước của quần thể là số lượng các cá thể phân bố trong khoảng không gian của quần thể.  **+** Mật độ cá thể của quần thể là số lượng cá thể trên một đơn vị diện tích hay thể tích của quần thể.  **+** Tỉ lệ giới tính là tỉ lệ giữa số lượng cá thể đực và số lượng cá thể cái trong quần thể.  + Nhóm tuổi (tuổi trước sinh sản, tuổi sinh sản, tuổi sau sinh sản), mỗi nhóm tuổi có ý nghĩa sinh thái khác nhau.  **+** Phân bố cá thể trong quần thể: phân bố đều, phân bố theo nhóm và phân bố ngẫu nhiên.  12,  **-** Quần xã sinh vật là một tập hợp các quần thể sinh vật thuộc nhiều loài khác nhau, cùng sinh sống trong một không gian và thời gian nhất định. Các sinh vật trong quần xã có mối quan hệ gắn bó với nhau như một thể thống nhất, do đó quần xã có cấu trúc tương đối ổn định.  **-** Một số đặc trưng cơ bản của quần xã như độ đa dạng và thành phần loài trong quần xã  - Độ đa dạng được thể hiện bằng mức độ phong phú về số lượng loài và số lượng cá thể của mỗi loài .  - Loài ưu thế là loài có số lượng cá thể nhiều, hoạt động mạnh, đóng vai trò quan trọng trong quần xã.  Ví dụ: Lúa là loài ưu thế trong quần xã lúa  - Loài đặc trưng là loài chỉ có ở một quần xã hoặc có nhiều hơn hẳn các loài khác trong quần xã.  Ví dụ: Loài đặc trưng của rừng U Minh là cây tràm. |

**Hoạt động 2.2: Làm một số bài tập trắc nghiệm.**

**a. Mục tiêu:** Hs hệ thống lại được những kiến thức cần nhớ.

**b. Nội dung:** Học sinh cá nhân nghiên cứu thông tin SGK tìm câu trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Gv chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Gv: Chiếu một số câu hỏi trắc nghiệm:  **Câu 1:** Cơ quan phân tích thị giác gồm có 3 thành phần chính, đó là  A. các tế bào thụ cảm thị giác ở màng lưới, dây thần kinh thị giác và vùng thị giác ở thùy chẩm.  B. các tế bào thụ cảm thị giác ở màng mạch, dây thần kinh thính giác và vùng thị giác ở thùy đỉnh.  C. các tế bào thụ cảm thị giác ở màng cứng, dây thần kinh thị giác và vùng thị giác ở thùy trán.  D. các tế bào thụ cảm thị giác ở màng lưới, dây thần kinh vị giác và vùng vị giác ở thùy chẩm.  **Câu 2:** Vì sao nói ngủ là nhu cầu sinh lí của cơ thể?  A. Vì đó là kết quả của quá trình ức chế tự nhiên sau một thời gian làm việc của hệ thần kinh.  B. Vì khi ngủ, khả năng làm việc của hệ thần kinh được phục hồi lại hoàn toàn.  C. Vì thời gian đi vào giấc ngủ đã được cài đặt sẵn trong cấu trúc hệ gen của loài người.  D. Tất cả các phương án còn lại.  **Câu 3:** Vì sao trẻ bị viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa?  A. Vì vi sinh vật gây viêm họng và vi sinh vật gây viêm tai giữa luôn cùng chủng loại với nhau.  B. Vì vi sinh vật gây viêm họng có thể theo vòi nhĩ tới khoang tai giữa và gây viêm tại vị trí này.  C. Vì vi sinh vật gây viêm họng có thể biến đổi về cấu trúc và theo thời gian sẽ gây viêm tai giữa.  D. Tất cả các phương án còn lại.  **Câu 4:** Cận thị là  A. tật mà hai mắt nằm quá gần nhau.  B. tật mà mắt không có khả năng nhìn gần.  C. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần.  D. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn xa.  **Câu 5:** Bệnh tiểu đường có liên quan đến sự thiếu hụt hoặc rối loạn hoạt tính của hormone nào dưới đây?  A. GH. B. Glucagon. C. Insulin. D. Ađrenalin.  **Câu 6:** Dấu hiệu nào dưới đây xuất hiện ở độ tuổi dậy thì của cả nam và nữ?  A. Tất cả các phương án còn lại. B. Xuất hiện mụn trứng cá.  C. Mọc lông nách. D. Lớn nhanh.  **Câu 7:** Người bị bệnh Bazơđo thường có biểu hiện như thê nào?  A. Sút cân nhanh.  B. Mắt lồi.  C. Tất cả các phương án còn lại.  D. Mất ngủ, luôn trong trạng thái hồi hộp, căng thẳng  **Câu 8:** Hệ cơ quan nào đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động điều hoà thân nhiệt?  A. Hệ tuần hoàn. B. Hệ nội tiết.  C. Hệ bài tiết. D. Hệ thần kinh.  **Câu 9:** Khi bị sốt cao, chúng ta cần phải làm điều gì sau đây?  A. Tất cả các phương án còn lại.  B. Lau cơ thể bằng khăn ướp lạnh.  C. Mặc ấm để che chắn gió.  D. Bổ sung nước điện giải.  **Câu 10.** Vì sao chúng ta không nên mang thai khi ở tuổi vị thành niên?  A. Vì con sinh ra thường nhẹ cân và có tỉ lệ tử vong cao.  B. Vì mang thai sớm thường mang đến nhiều rủi ro như sẩy thai, sót rau, băng huyết, nhiễm khuẩn, nếu không cấp cứu kịp thời có thể nguy hiểm đến tính mạng.  C. Vì sẽ ảnh hưởng đến học tập, vị thế xã hội và tương lai sau này.  D. Tất cả các phương án còn lại.  **Câu 11.** Việc nạo phá thai có thể dẫn đến hậu quả nào sau đây?  A. Vỡ tử cung khi chuyển dạ ở lần sinh sau  B. Chửa ngoài dạ con ở lần sinh sau  C. Tất cả các phương án còn lại  D. Vô sinh  **Câu 12:** Giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định được gọi là gì?  A. Giới hạn sinh thái. B. Tác động sinh thái  C. Khả năng cơ thể. D. Sức bền của cơ thể.  **Câu 13:** Các loại môi trường chủ yếu của sinh vật là  A. đất, nước, trên mặt đất - không khí.  B. đất, trên mặt đất- không khí.  C. đất, nước và sinh vật.  D. đất, nước, trên mặt đất- không khí và sinh vật.  **Câu 14:** Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái tới sinh vật  A. không phụ thuộc vào mức độ tác động của chúng.  B. tỉ lệ thuận vào mức độ tác động của chúng  C. tỉ lệ nghịch vào mức độ tác động của chúng  D. tùy thuộc vào mức độ tác động của chúng.  **Câu 15:** Phát biểu đúng về mật độ quần thể là  A. Mật độ quần thể luôn cố định.  B. Mật độ quần thể giảm mạnh do những biến động thất thường của điều kiện sống như lụt lội, cháy rừng hoặc dịch bệnh.  C. Mật độ quần thể không ảnh hưởng tới sự phát triển của quần thể.  D. Quần thể sinh vật không thể tự điều chỉnh về mức cân bằng.  **Câu 16:** Nhóm tuổi sinh sản có ý nghĩa  A. làm tăng trưởng khối lượng và kích thước của quần thể.  B. quyết định mức sinh sản của quần thể.  C. không ảnh hưởng đến sự phát triển của quần thể.  D. làm cho kích thước quần thể giảm sút.  **Câu 17:** Hiện tượng số lượng cá thể của một quần thể bị số lượng cá thể của quần thể khác trong quần xã kìm hãm là hiện tượng nào sau đây?  A. Khống chế sinh học. B. Cạnh tranh giữa các loài.  C. Hỗ trợ giữa các loài. D. Hội sinh giữa các loài.  **Câu 18:** Tập hợp nào sau đây không phải là quần xã sinh vật?  A. Tập hợp những loài sinh vật sống trong một khu rừng.  B. Tập hợp những loài sinh vật sống trong một hồ tự nhiên.  C. Tập hợp những con chuột trong một đàn chuột đồng  D. Tập hợp những con cá sống trong một ao cá.  **Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Hs cá nhân trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung.  + Gv quan sát, hướng dẫn Hs  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Gv gọi Hs trả lời câu hỏi và giải thích.  + Hs khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Gv đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **II. Bài tập trắc nghiệm**  **Câu 1. A**  **Câu 2. A**  **Câu 3. B**  **Câu 4. C**  C**âu 5. C**  **Câu 6. A**  **Câu 7. C**  **Câu 8. D**  **Câu 9. D**  **Câu 10. D**  **Câu 11. C**  **Câu 12. A**  **Câu 13. D**  **Câu 14. D**  **Câu 15. B**  **Câu 16. B**  **Câu 17. A**  **Câu 18. C** |

**Hoạt động 2.3: Trả lời một số bài tập tự luận.**

**a. Mục tiêu:** Trả lời được một số bài tập tự luận.

**b. Nội dung:** Hs thảo luận nhóm làm một số bài tập tự luận.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Gv chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Gv: Chiếu một số bài tập tự luận.  **Câu 1.** Hãy nêu một số cách phòng bệnh về tai.  **Câu 2.** Đề xuất một số biện pháp phòng chống bệnh đái tháo đường.  **Câu 3.** Cho biết những điều kiện cần cho sự thụ tinh và thụ thai.  **Câu 4.** Chuột sống trong rừng mưa nhiệt đới có thể chịu ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái sau: mức độ ngập nước, kiến, độ dốc của đất, nhiệt độ không khí, ánh sáng, độ ẩm không khí, rắn hổ mang, áp suất không khí, cây gỗ, gỗ mục, gió thổi, cây cỏ, thảm lá khô, sâu ăn lá cây, độ tơi xốp của đất, lượng mưa. Hãy sắp xếp các nhân tố đó vào từng nhóm nhân tố sinh thái.  **Câu 5.** Giải thích vì sao trong sản xuất nông nghiệp cây trồng đúng thời vụ cho năng suất cao hơn?  **Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ học tập**  Hs thảo luận nhóm thực hiện các bài tâp.  Gv: Quan sát, giúp đỡ Hs nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động .**  + Đại diện các nhóm hs báo cáo kết quả.  + Các Hs khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Gv đánh giá, nhận xét. Chốt kiến thức | **II. Một số câu hỏi tự luận:**  **Câu 1.**  - Bệnh viêm tai giữa: tránh không để nước bẩn lọt vào tai; phòng các bệnh vùng mũi, họng.  - Bệnh ù tai: tránh tiếp xúc với môi trường có tiếng ồn lớn, tránh để dị vật lọt vào tai.  **Câu 2.** Một số biện pháp phòng chống bệnh đái tháo đường:  - Cần có chế độ dinh dưỡng phù hợp: hạn chế chất bột đường, chất béo; tăng cường ăn các loại rau quả tốt cho sức khỏe; …  - Luyện tập thể dục thể thao thường xuyên.  - Kiểm soát cân nặng của cơ thể, tránh tình trạng thừa cân, béo phì.  - Không hoặc hạn chế tối đa việc sử dụng các loại chất kích thích như thuốc lá, rượu bia, …  - Thường xuyên kiểm tra lượng đường máu.  **Câu 3.**  - Những điều kiện cần cho sự thụ tinh: Trứng phải gặp được tinh trùng ở thời điểm nhất định. Tinh trùng phải chui được vào bên trong trứng.  - Những điều kiện cần cho sự thụ thai: Hợp tử phải bám và làm tổ được ở lớp niêm mạc tử cung.  **Câu 4.** Có hai nhóm nhân tố sinh thái chính:  - Nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh (sống): kiến, rắn hổ mang, cây gỗ, cây cỏ, sâu ăn lá cây.  - Nhóm nhân tố sinh thái vô sinh (không sống): mức độ ngập nước, độ dốc của đất, nhiệt độ không khí, ánh sáng, độ ẩm không khí, áp suất không khí, gỗ mục, gió thổi, thảm lá khô, độ tơi xốp của đất, lượng mưa.  **Câu 5.** Trong sản xuất nông nghiệp, cây trồng được gieo trồng đúng vụ thường đạt năng suất cao vì: Khi trồng cây đúng thời vụ, cây trồng sẽ có các nhân tố sinh thái vô sinh như ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, … phù hợp, giúp cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, có sức sống cao, chống chịu tốt với các điều kiện của môi trường. Nhờ đó, cây trồng sẽ cho năng suất cao.  **Vì vậy giáo dục được nâng cao thì hiện tượng ô nhiễm môi trường sẽ đc giảm.** |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** (Không tổ chức hoạt động luyện tập)

**4. Hoạt động 4: Vận dụng** (Không tổ chức hoạt động vận dụng)

**Hướng dẫn HS tự học ở nhà:**

-Yêu cầu học sinh ôn tập lại toàn bộ kiến thức đã học để giờ sau kiểm tra cuối học kì